TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS- ST
Ngày: 10 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021; thông báo thay đổi lịch xét xử đối với các bị cáo:

1. Mai Văn T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Mai Văn Q (đã chết) và bà Đỗ Thị H; có vợ là Bùi Thị T (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 83/2013/HSPT ngày 26/02/2013 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội xử phạt Mai Văn T 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/9/2020.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/9/2021 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Sỹ T1, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: thôn G, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Trương Thế C - là Liệt sỹ trong kháng chiến chống Mỹ và bà Bùi Thị S; có vợ là Trương Thị T và 03 con, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1998. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Hoàng Hữu P, sinh năm 1989. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn T, là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ U, địa chỉ tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình kinh doanh các mặt hàng nông sản. T thuê anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1998, HKTT: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam làm lái xe chở hàng và Trương Sỹ T1 làm công nhân. Tháng 7/2021, do dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương yêu cầu công dân khi di chuyển vào địa bàn phải có giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime - PCR, kết quả âm tính, thời hạn trong vòng 72 giờ. Để phục vụ hoạt động kinh doanh, ngày 31/07/2021, T đã đến Bệnh viện nhi T, để làm xét ngiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime - PCR và được Bệnh viện nhi tỉnh T cấp 01 tờ "PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM" và 01 tờ "PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM có mã số...." *(in trên 01 mặt của tờ giấy A4)*, thể hiện kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 của T là âm tính, hạn sử dụng đến ngày 03/8/2021. Do để giảm chi phí xét nghiệm cho công ty, nên T đã nảy sinh ý định thuê người làm giả Phiếu kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2. Chiều ngày 31/7/2021, T cầm theo tờ Phiếu kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 của mình đã hết hạn sử dụng đến hiệu ảnh áo cưới *"Nhật A"*, địa chỉ tại: Thôn Đ, xã B, huyện K do anh Hoàng Hữu P, sinh năm 1989 là chủ và thuê P làm giả giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime PCR với giá 150.000 đồng. T đưa cho Phong tờ "PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM" và tờ "PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM" mà Bệnh viện nhi T cấp cho T trước đó để làm mẫu và cung cấp thông tin tên tuổi, năm sinh, địa chỉ của Trương Sỹ T1 cho P, yêu cầu P làm giả giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime PCR đứng tên Trương Sỹ T1, ghi ngày 07/8/2021. P đã làm giả giấy xét nghiệm theo yêu cầu của T rồi in ra trên hai mặt của một tờ giấy A4, trên giấy có hình con dấu tròn màu đỏ của Bệnh viện nhi T sau đó đưa cho T. Sau khi có tờ giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 giả, tại mặt "PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM" ghi ngày 07/8/2021, T ký tên của bác sỹ Nguyễn Anh T2 dưới dòng "TL.TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM" bằng mực màu đen; Tại mặt "PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM" ghi ngày 06//7/2021, T ký tên của bác sỹ Trần Thị N dưới dòng "BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ" bằng mực màu đen. Tại dòng "*Người lấy mẫu*", T viết chữ "*huy*" bằng mực màu xanh; Tại dòng "Thời gian lấy mẫu: .... giờ .... ngày .... tháng .... năm 2021", T viết các chữ số tự nhiên *" 9, 15, 6, 8"* bằng mực màu xanh.

Đến sáng ngày 07/8/2021, T giao anh Nguyễn Văn H, điều khiển xe ô tô tải biển số: 17H - 006.xx chở hàng từ huyện Ninh Giang đến tỉnh Quảng Ninh và phân công Trương Sỹ T1 đi cùng. T đưa cho T1 01 giấy xét nghiệm đứng tên T1 do T thuê làm giả vào chiều ngày 31/7/2021 để T1 sử dụng đi qua các chốt kiểm soát dịch bệnh của các tỉnh. T1 biết là giấy xét nghiệm giả vì bản thân T1 không đi xét nghiệm, nhưng T1 vẫn cầm, để sử dụng xuất trình qua các chốt kiểm soát phòng, chống dịch bệnh. Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 08/8/2021, khi anh H và T1 đi từ Quảng Ninh về đến chốt kiểm soát phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh Hải Dương tại phố Q, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, thì cán bộ chốt kiểm soát đã yêu cầu anh H và T1 xuất trình giấy tờ tùy thân và giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime - PCR để kiểm tra. Qua kiểm tra giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime - PCR của Trương Sỹ T1 tổ công tác phát hiện có dấu hiệu làm giả và đã lập biên bản vụ việc, quản lý vật chứng và bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ giải quyết theo thẩm quyền (BL số: 65-66; 67- 80; 81- 100; ; 105-113; 114- 119; 120- 125; 126- 137).

Tại bản kết luận giám định số 61/KLGĐ ngày 31/8/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: 01 tờ giấy A4 mặt trước là phiếu chỉ định xét nghiệm đề ngày 06/8/2021, mặt sau là phiếu kết quả xét nghiệm đề ngày 07/8/2021 (ký hiệu A):

- Hình dấu tròn có nội dung: "BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là giả.

- Hình dấu chữ nhật có nội dung "BỆNH VIỆN NHI THÁI BÌNH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN ĐÃ THU TIỀN" (ký hiệu A) là giả.

- Chữ ký đứng tên CN. Nguyễn Anh T2 dưới mục "TL. Trưởng khoa xét nghiệm" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký đứng tên Nguyễn Anh T2 trên các tài liệu mẫu so sánh (M3- M5) không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên BSCKI Trần Thị N dưới mục "Bác sĩ điều trị" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký đứng tên Trần Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M6- M8) không phải do cùng một người ký ra

- Không đủ cơ sở kết luận chữ "huy" và các chữ số bằng mực xanh trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết đứng tên Mai Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M9, M10) có phải do cùng một người viết ra hay không. (Bút lục số: 12- 13)

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSTK, ngày 29 /11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố:

1. Bị cáo Mai Văn T, về tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS;

2. Bị cáo Trương Sỹ T1, về tội: Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo Mai Văn T và bị cáo Trương Sỹ T1 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là đúng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51của BLHS đối với các bị cáo; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS đối với bị cáo T; áp dụng điểm i, x khoản 1 Điều 51, Điều 36 BLHS đối với bị cáo T1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", bị cáo Trương Sỹ T1 phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" . Xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/9/2021; xử phạt bị cáo T1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với mỗi bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ; áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart Joy 4, màu đen, số Sêri: BKB00007553, số IMEIL1: 351088460165987, số IMEIL2: 3508846016590, lắp sim số 0332.866.266 cho bị cáo Mai Văn T quản lý, sử dụng. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản vụ việc, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích giảm chi phí xét nghiệm cho công ty, Mai Văn T đã nảy sinh ý định thuê làm giả giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime - PCR để đưa cho công nhân của công ty sử dụng khi đi qua các chốt kiểm soát dịch bệnh Covid - 19. Chiều ngày 31/7/2021 Mai Văn T đã đem 01 tờ "PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM" và 01 tờ "PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM" của T mà trước đó đã xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime - PCR tại Bệnh viện nhi T đến hiệu ảnh áo cưới Nhật A ở thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, gặp anh

Hoàng Hữu P, sinh năm 1989 và thuê P làm giả Phiếu kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 mang tên Trương Sỹ T1 với giá 150.000 đồng. Sau khi nhận được 01 tờ giấy A4 có 01 mặt là "PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM" ngày 31/07/2021 và 01 mặt là "PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM" ngày 01/08/2021 của Bệnh viện nhi T, T đã dùng bút mực đen ký tên của bác sỹ Nguyễn Anh T2 dưới dòng "TL.TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM", ký tên của bác sỹ Trần Thị N dưới dòng "BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ", tại mặt "PHIẾU CHỈ ĐỊNH XÉT NGHIỆM". T dùng bút mực màu xanh viết chữ "*huy*" tại dòng "Người lấy mẫu" và viết các chữ số tự nhiên *" 9, 15, 6, 8*" tại dòng "*Thời gian lấy mẫu: .... giờ .... ngày .... tháng .... năm 2021*". Đến sáng , ngày 07/8/2021 T đưa tờ giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 giả trên cho Trương Sỹ T1, để T1 đi phụ xe cùng với anh Nguyễn Văn H. Sau khi nhận được giấy xét nghiệm SARS-Covid-2 do T đưa cho, T1 biết là giấy xét nghiệm là giả, nhưng T1 vẫn đi sử dụng để xuất trình qua các chốt kiểm soát tại các địa bàn tỉnh Hải Dương và Quảng Ninh. Đến khoảng 8 giờ 00 phút ngày 08/8/2021, khi xe ô tô của anh Hải và T1 đi từ Quảng Ninh về đến chốt kiểm soát phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh Hải Dương tại phố Q, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, T1 xuất trình giấy xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime - PCR nêu trên, thì bị tổ công tác kiểm soát dịch bệnh tại chốt phát hiện là giấy xét nghiệm giả và lập biên bản, thu giữ cùng vật chứng.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật song vẫn cố ý thực hiện, nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" khoản 1 Điều 341 BLHS. Do đó cáo trạng của VKSND huyện Tứ Kỳ truy tố đối với bị cáo T, T1 là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, nên cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này Mai Văn T là người chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi làm giả giấy xét nghiệm, sau đó đưa cho bị cáo T1 sử dụng, nên bị cáo T giữ vai trò chính. Bị cáo T1 sau khi được bị cáo T đưa giấy xét nghiệm, biết là giấy xét nghiệm giả nhưng tiếp nhận ý chí của bị cáo T để sử dụng nên bị cáo T1 đồng phạm về hành vi sử dụng giấy tờ giả với vai trò người thực hành.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Sỹ T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Mai Văn T có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được

hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Trương Sỹ T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ là Liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, x khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, HĐXX xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay tình hình dịch bệnh Covid - 19 trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng cũng như cả nước nói chung đang có diễn biến hết sức phức tạp, một trong những nguyên nhân dẫn đến sự phức tạp trong khống chế dịch bệnh đó là ý thức chưa tốt của một bộ phận người dân trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước nên cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm đối với các bị cáo.

Bị cáo Mai Văn T thực hiện hai hành vi làm giả và sử dụng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên dù có giảm nhẹ vẫn cần thiết buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo Trương Sỹ T1 thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình là người có công với cách mạng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội như đề nghị của đai diện VKS tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T thực hiện hai hành vi làm giả và sử dụng, bị cáo có công ty, sau khi chấp hành án xong trở về bị cáo sẽ tiếp tục điều hành công ty nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo T1 là người thực hành về hành vi sử dụng, bị cáo hiện không còn làm việc tại công ty của bị cáo T, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo cũng như miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng cần buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart Joy 4, màu đen, số Sêri: BKB00007553, số IMEIL1: 351088460165987, số IMEIL2: 3508846016590, quá trình điều tra không chứng minh được bị cáo T dùng để liên lạc với anh P làm giả giấy tờ nên cần trả lại bị cáo T như đề nghị của đai diện VKS là phù hợp.

[8] Trong vụ án, bị cáo Mai Văn T khai thuê anh Hoàng Hữu P là chủ hiệu ảnh áo cưới "Nhật A" làm giả giấy xét nghiệm. Quá trình điều tra anh P không thừa nhận việc làm giả giấy tờ cho T, không có căn cứ chứng minh việc anh P làm giả giấy tờ nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với anh P. Sau này nếu có căn cứ sẽ được giải quyết trong vụ án khác. Đối với anh Nguyễn Văn H không biết việc Trương Sỹ T1 sử dụng giấy xét nghiệm Sars- CoV-2 giả, nên không đặt ra vấn đề xử lý đối với anh H là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của BLHS đối với các bị cáo; khoản 4 Điều 341, khoản 2 Điều 35, Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Mai Văn T; điểm i, x khoản 1 Điều 51, Điều 36 BLHS đối với bị cáo Trương Sỹ T1;

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Mai Văn T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo Mai Văn T 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/9/2021.

- Bị cáo Trương Sỹ T1 phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo Trương Sỹ T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trương Sỹ T1 cho UBND xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Buộc bị cáo Trương Sỹ T1 phải phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: phạt tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) đối với bị cáo Mai Văn T nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS;

- Trả lại bị cáo Mai Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart Joy 4, màu đen, số Sêri: BKB00007553, số IMEIL1: 351088460165987, số IMEIL2: 3508846016590 và 01 sim điện thoại số 0332.866.266

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 13/12/2021).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Bị cáo Mai Văn T và bị cáo Trương Sỹ T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/01/2022./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan T.H.A. HS - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Hồ sơ nghiệp vụ- Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Thành